

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HS-ST
Ngày: 15-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tòng
2. Ông Bùi Quốc Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc D – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Đình Đ - Sinh ngày 24/12/1990, tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038090008168; Con ông: Trần Đình T - Sinh năm 1970 và con bà: Đỗ Thị T1 - Sinh năm 1971; Có vợ: Lê Thị T2 - Sinh năm 1990 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 29/6/2024 đến ngày 23/10/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo Lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1979 (vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

*** Người có quyền lợi liên quan:** Ông Trần Đình T – Sinh năm 1970; Địa chỉ: Tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Hữu H1 – Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

2. Anh Hoàng Đình C – Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Đình P – Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 26/6/2024, Trần Đình Đ, sinh năm 1990, trú tại tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe ô tô tải thùng nhãn hiệu KIA, trọng tải 01 tấn, biển kiểm soát 73C-01699 của gia đình đi vào huyện Đ, tỉnh Nghệ An để tìm mua trâu bò. Do không mua được nên Đ quay về theo tuyến đường 513 qua bãi biển Đ thuộc tỉnh Nghệ An, qua địa bàn xã H, phường H rồi đi lên đường N - S để về nhà. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực gần đường rẽ vào chùa A1 thuộc xã Đ, thị xã N, thì Đ quay xe lại đi đến quán M ở tổ dân phố L, phường H, thị xã N để gặp chị Nguyễn Thị N, nhân viên của quán. Khi đến nơi, Đ đậu xe ở bên lề đường rồi đi vào trong quán nói chuyện với chị N. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 27/6/2024, Đ điều khiển xe đi theo hướng qua nhà máy G để về nhà. Khi đi đến đoạn ngã tư phía sau nhà máy G và Xi măng N thuộc tổ dân phố L, phường H, thị xã N, Đ nhìn thấy trong vườn cây bên phải đường có một đàn trâu thả rông, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số trâu trên. Đồng đậu xe ở lề đường, xuống quan sát xung quanh, thấy có một căn nhà bỏ hoang cách đường khoảng 150m, bên cạnh có gò đất, Đ sử dụng dây thừng có sẵn trên xe, đến chỗ đàn trâu lần lượt buộc dây thừng vào phần đầu 05 con trâu (gồm 02 con trâu trưởng thành và 03 con trâu con) rồi kéo từng con tập kết tại khu nhà hoang. Sau đó, Đ lùi xe vào gò đất, hạ bửng thùng xe xuống, lần lượt kéo 05 con trâu lên buộc vào cột trên thùng xe rồi đóng thùng lại. Cùng lúc này có 02 người đàn ông đi đến chỗ Đ, do lo sợ nên Đ đã nhanh chóng điều khiển xe chạy về hướng dốc Chuông (thuộc phường M) để về nhà. Đến khoảng hơn 02 giờ 00 sáng cùng ngày, Đ chở 05 con trâu vừa trộm cắp được về đến khu C thuộc tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, Đ cột giữ trâu ở đây rồi đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, Đ mang xe đi rửa và cất phần bột phủ thùng xe đi. Đến ngày 29/6/2024, biết hành vi trộm cắp tài sản của mình sẽ bị phát hiện nên Đ đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Quá trình điều tra xác định 05 con trâu mà Trần Đình Đ trộm cắp nêu trên, có 04 con là của gia đình anh Nguyễn Văn H và 01 con là của gia đình anh Nguyễn Văn Q, cùng ở tổ dân phố L, phường H, thị xã N.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 55/KL-KTHS ngày 01/7/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã N xác

định: Tổng giá trị 05 con trâu mà Trần Đình Đ trộm cắp của gia đình anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn Q nêu trên là 117.400.000 đồng.

Tại Bản kết luận số 3175/KL-KTHS ngày 30/8/2024 giám định dữ liệu điện tử đoạn Video ghi lại hình ảnh Trần Đình Đ tại phường H vào ngày 26/6/2024 (do Công an phường H giao nộp), Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

“- Không phát hiện dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 02 (hai) tệp video của 01 (một) USB gửi giám định.

- Mô tả một số hình ảnh trong các tệp video gửi giám định - Thể hiện trong Phụ lục.”

Quá trình điều tra Trần Đình Đ đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên, lời khai của bị can phù hợp lời khai của các bị hại, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xác minh về nhân thân của bị can, xác định Trần Đình Đ chưa có tiền án, tiền sự.

Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng, đồ vật, tài liệu sau:

- 01 con trâu, giống cái, màu đen, có trọng lượng 410kg; 01 con trâu, giống đực, màu đen, có trọng lượng 230kg; 01 con trâu, giống cái, màu đen, có trọng lượng 260 kg; 01 con trâu, giống cái, màu đen, có trọng lượng 380kg và 01 con trâu, giống cái, màu đen, có trọng lượng 480kg (Do ông Trần Đình T giao nộp).

- 01 xe ô tô tải thùng nhãn hiệu KIA, trọng tải 01 tấn, biển kiểm soát 73C-01699 (Thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Đình Đ).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh, số Imei 1: 866413057366153, số Imei 2: 866314057366146, bên trong lắp sim điện thoại số 0989138234 (mặt sim có dãy số 8984048000915590870), điện thoại đã qua sử dụng (do Trần Đình Đ giao nộp).

Sau khi định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại 05 con trâu trên cho gia đình anh H và anh Q.

Đối với chiếc xe ô tô tải thùng thu giữ trên, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Trần Đình T, việc Đ sử dụng chiếc xe đi trộm cắp tài sản, ông T không biết nên không có lỗi. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông T.

Riêng chiếc điện thoại di động thu giữ của Trần Đình Đ, xét thấy không phải là vật chứng vụ án, cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã trả lại cho bị can Trần Đình Đông (người được ủy quyền nhận thay là ông Trần Đình T) theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKSNS ngày 09/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Đình Đông về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Đình Đ.

- Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Trần Đình Đ từ 33 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an thị xã N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay bị cáo Trần Đình Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Do đó có đủ căn cứ để khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn truy tố Trần Đình Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song do muốn hưởng thụ mà lại không chịu lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật không thể trốn tránh được nên bị cáo đã đến cơ quan CSĐT Công an thị xã N đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Trước khi ra đầu thú bị cáo đã nói với ông Trần Đình T (bố đẻ) về việc trộm cắp trâu của mình và đề nghị ông T đem trâu giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho các bị hại. Ngoài lần phạm tội này thì bị cáo không có vi phạm pháp luật gì; Trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các quy định, chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước; Mặc dù gia đình bị cáo không khá giả, nhưng bị cáo vẫn tham gia ủng hộ các loại quỹ, phong trào ở địa phương (có xác nhận của địa phương); Năm 2022, bị cáo được Ban Chấp hành hội chữ thập đỏ huyện N ghi nhận có Tấm lòng vàng nhân đạo. Bị cáo có ông, bà nội ngoại tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến, hiện nay gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ Trần Đình A (bác ruột). Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Tại văn bản xác nhận ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn N đã xác nhận: Vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện tại bị cáo đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ, ông Trần Đình T - bố bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (ung thư tụy). Do đó đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, với nhân thân bị cáo như trên, hơn nữa bị cáo có lai lịch rõ ràng, có nơi trú ổn định; Là người dân lao động nên nhận thức pháp luật ít nhiều còn hạn chế, nhất thời phạm tội. Căn cứ vào pháp luật hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật mở đường cho bị cáo hướng tới tương lai để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thị xã N và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn đã trả lại cho:

- Anh Nguyễn Văn H 04 con trâu và anh Nguyễn Văn Q 01 con trâu.
- Ông Trần Đình T 01 xe ô tô tải thùng nhãn hiệu KIA, trọng tải 01 tấn, biển kiểm soát 73C – 01699 vì xe là của ông T. Ông T không biết Đ sử dụng chiếc xe đi trộm cắp tài sản nên không có lỗi.
- Trần Đình Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh, số Imei 1: 866413057366153, số Imei 2: 866314057366146, bên trong lắp sim điện

thoại số 0989138234 (mặt sim có dãy số 8984048000915590870), điện thoại đã qua sử dụng.

Những người nói trên đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Đình Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Đình Đ 33 (ba mươi ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đình Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” đối với bị cáo.

- **Án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng các điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đình Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có quyền lợi liên quan, vắng mặt các bị hại tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng

Bùi Quốc Kiên

Lê Thị Hạnh